TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-09-2021

V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Huỳnh Tài Em

2/- Ông Liêu Tài Ngoánh

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Võ Sử Em- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 09 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 08 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 08 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn K, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Anh Lâm Gia H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn K, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu

(*Chị Đ có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 03 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày: Chị và anh Lâm Gia H xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán của địa phương, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn K, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu.

Quá trình chung sống chị và anh H có 03 (ba) con chung tên là: Lâm Quỳnh N, sinh ngày 15/4/2011, Lâm Quỳnh M, sinh ngày 31/12/2012, Lâm Gia H1, sinh ngày 08/9/2016. Hiện cháu N, cháu M đang sống cùng với chị Đ, còn cháu H1đang sống cùng với anh H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh H là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh H cũng đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau.

Nay, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Gia H; Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là các cháu Lâm Quỳnh N, sinh ngày 15/4/2011, Lâm Quỳnh M, sinh ngày 31/12/2012, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, giao con chung là cháu Lâm Gia H1, sinh ngày 08/9/2016 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, Chị Đ không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Đối với anh Lâm Gia H không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, anh H cũng không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh H, nhưng anh H không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là các cháu Lâm Quỳnh N, sinh ngày 15/4/2011, Lâm Quỳnh M, sinh ngày 31/12/2012 cho chị Đ trực tiếp nuôi

dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Lâm Gia H1, sinh ngày 08/9/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị Đ không yêu cầu.

Chị Đ, anh H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lâm Gia H, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lâm Gia H có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại Ấp T, thị trấn K, huyện Hòa B, Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ có đơn xin vắng mặt, anh Lâm Gia H vắng mặt. Toà án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng dân sự cho anh H để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Đ và anh H theo quy định, nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Chị Đ và anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Đ và anh Lâm Gia H xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn K, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn K cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/7/2014. Vì thế, hôn nhân giữa Chị Đ và anh H là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị Đ cho rằng trong quá trình chung sống với anh H do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống Chị Đ và anh H không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến hiện tại chị

Đ và anh H đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021. Từ khi sống ly thân đến nay, Chị Đ và anh H cũng đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau. Trong quá trình xét xử vụ án, chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Đ đối với anh Lâm Gia H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Đ và anh H có 03 (ba) con chung tên là: Lâm Quỳnh N, sinh ngày 15/4/2011, Lâm Quỳnh M, sinh ngày 31/12/2012, Lâm Gia H1, sinh ngày 08/9/2016. Hiện cháu N, cháu M đang sống cùng với chị Đ, còn cháu H1 đang sống cùng với anh H, Chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu M, còn cháu H1 thì chị Đ có nguyện vọng giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

" *2.Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Xét thấy, tại thời điểm giải quyết cháu N và cháu M đủ 07 tuổi trở lên nên cần phải xem xét nguyện vọng của cháu N, cháu M để giao cháu N, cháu M cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu H1, do tại thời điểm giải quyết cháu H1 trên 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu H1 để xem xét giao cháu H1 cho một bên nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai của cháu N và cháu M (BL 31-32), cháu N và cháu M đều có nguyện vọng được sống cùng với chị Đ. Cháu H1 hiện đang sống ổn định cùng với anh H, cháu vẫn phát triển bình thường, Chị Đ cũng đồng ý giao cháu H1cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu N, cháu M, cháu H1, đồng thời, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu N, cháu M, cháu H1, nên cần tiếp tục giao cháu N, cháu M cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị Đ, anh H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Đ không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu chị Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ xác định chị và anh H không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, Chị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ đối với anh Lâm Gia H, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và anh Lâm Gia H.

2/- Về nuôi con chung: Giao con chung là các cháu Lâm Quỳnh N, sinh ngày 15/4/2011, Lâm Quỳnh M, sinh ngày 31/12/2012 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Lâm Gia H1, sinh ngày 08/9/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu.

Chị Đ, anh H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002590 ngày 13 tháng 05 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;

- VKSND huyện Hòa Bình;

- THADS huyện Hòa Bình;

- UBND TT K;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ;

Phan Thị Mỹ Xuyên